

NĂM 2018: NĂM ĐẶC BIỆT THÀNH CÔNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

Năm 2018 có thể được đánh giá là năm đặc biệt thành công về tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô. Sau giai đoạn đầu năm tăng trưởng thấp, kinh tế trong các quý cuối năm đã có sự tăng trưởng đột biến (tăng trưởng GDP quý 4 2018 đạt 7,31%, cao thứ 2 trong các năm trong giai đoạn 2011-2018) dẫn tới tốc độ tăng GDP 7,08% cho cả năm 2018. Tốc độ tăng trưởng GDP cả năm cũng đã cho thấy sự phục hồi tốc độ tăng trưởng của các khu vực kinh tế. Tăng trưởng GDP 2018 có sự đóng góp lớn nhất từ nhóm ngành sản xuất và xây dựng (48,6%) và ngành dịch vụ (42,7% tổng tăng trưởng). Bên cạnh đó, các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cả năm cũng đạt kết quả tốt hơn mục tiêu đã đề ra. Cụ thể lạm phát cả năm tăng 3,54% so với năm 2017 (Mục tiêu dưới 4%), tỷ giá liên ngân hàng VND-USD giảm 2,16% so với đầu năm (mục tiêu 2%), lãi suất cho vay tăng nhẹ (0,2% so với đầu năm), giải ngân FDI đạt 19,1 tỷ USD (năm 2017: 17,5 tỷ USD), xuất và nhập khẩu tăng trưởng tương ứng 13,8% và 11,5% so với 2017, dự trữ ngoại hối đạt 59 tỷ USD (tăng 5 tỷ USD so với 2017 và bằng giá trị 13 tuần nhập khẩu). Mục tiêu tổng quan đối với kinh tế vĩ mô Việt Nam là duy trì được sự ổn định (đặc biệt về tỷ giá và lãi suất) trong bối cảnh các nước trong khu vực có xu hướng phải tăng lãi suất để chống lại sự mất giá của đồng nội tệ khi FED tăng lãi suất. Tác động của chính sách tiền tệ tới sự ổn định là rõ ràng và Việt Nam đã phát huy được lợi thế về dòng vốn FII và FDI chảy vào nền kinh tế để duy trì sự ổn định đối với tỷ giá và gia tăng dự trữ ngoại hối.

CÁC ĐỘNG LỰC CHO TĂNG TRƯỞNG TIẾP TỤC ĐƯỢC DUY TRÌ

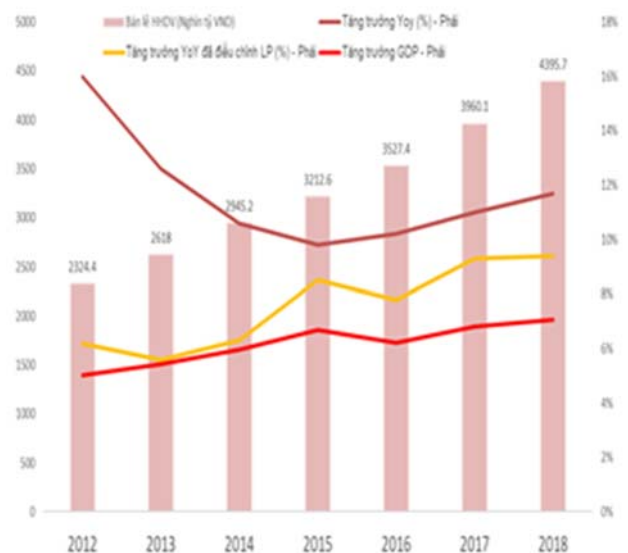
Các động lực cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong trung hạn đang thể hiện sự duy trì mạnh mẽ, bao gồm việc thu hút FDI, gia tăng hoạt động sản xuất, tăng xuất khẩu và gia tăng tiêu dùng nội địa. Từ góc độ sản xuất, chỉ số PMI tháng 12 2018 đạt 53,8 điểm và việc duy trì mở rộng hoạt động sản xuất thể hiện bởi chỉ số PMI đã diễn ra liên tục từ tháng 12 2015 và đạt các mốc cao trong quý 4 2018. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IPP) tăng 10,2% trong năm 2018 (cao hơn các năm 2015-2016 và thấp hơn 2017) trong đó ngành chế biến chế tạo có tốc độ tăng trưởng 12,3% so với 2017. Đối với FDI, ngành sản xuất, chế biến, chế tạo và ngành bất động sản là các lĩnh vực thu hút vốn FDI nhiều nhất với tổng vốn đăng ký mới và tăng vốn tại các dự án đạt 14,2 tỷ USD và 5,9 tỷ USD trong tổng giá trị 25,57 tỷ USD đăng ký mới và tăng vốn trong cả năm 2018. Bên cạnh duy trì tốc độ gia tăng xuất khẩu, tiêu dùng trong nước cũng đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn trong năm 2018 (11,7%) so với năm 2017 (11%). Nếu điều chỉnh cho lạm phát, tốc độ tăng trưởng bán lẻ hàng hóa dịch vụ năm 2018 so với năm 2017 là 9,4% (năm 2017 so với 2016 là 9,3%) và xu hướng tăng trưởng nhanh của giá trị bán lẻ hàng hóa dịch vụ trong giai đoạn 2012-2018 là rõ rệt. Với độ mở của nền kinh tế (tính theo tổng giá trị xuất nhập khẩu) lên tới 196,8% GDP 2018, việc gia tăng tiêu dùng nội địa có vai trò quan trọng trong việc duy trì ổn định của nền kinh tế Việt Nam.

TĂNG TRƯỞNG GDP QUÝ 4 VÀ CẢ NĂM GIAI ĐOẠN 2011-2018



Nguồn: GSO/VFM

TĂNG TRƯỞNG BÁN LẺ HÀNG HÓA DỊCH VỤ VÀ TĂNG TRƯỞNG GDP THEO NĂM GIAI ĐOẠN 2012-2018



Nguồn: GSO/VFM

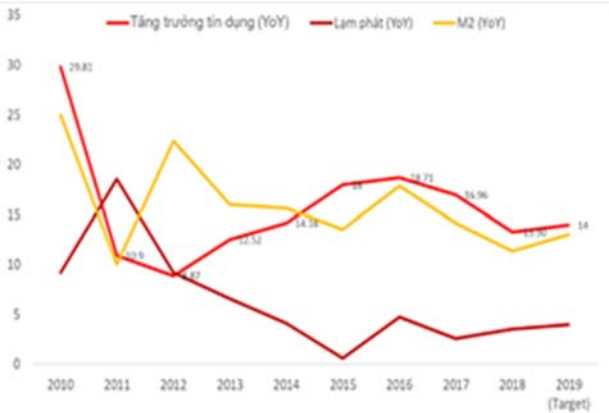
DỰ BÁO CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ VÀ TÀI KHÓA CHO NĂM 2019

Chính sách tiền tệ và tài khóa trong năm 2019 có xu hướng vận động trái chiều trong năm 2019. Xu hướng chính sách tài khóa thận trọng (trong xu hướng thắt chặt) bắt đầu từ giữa năm 2018 sẽ được tiếp tục trong năm 2019, thể hiện qua tốc độ tăng trưởng tín dụng và cung tiền cho nền kinh tế sẽ tiếp tục giảm. Năm 2018, tăng trưởng tín dụng và cung tiền là 13,3% và 11,34% so với tốc độ tăng trưởng tương ứng trong năm 2017 là 16,96% và 14,19%, tăng trưởng thực tế trong năm 2018 thấp hơn đáng kể so với mục tiêu đã đặt ra đầu năm. Mục tiêu đặt ra trong năm 2019 cho hai mục tiêu này là 14% và 13% (mục tiêu đã được đặt ra cho năm 2018 là 17% và 16%) trong điều kiện lạm phát mục tiêu không thay đổi (đều ở mức dưới 4% cho cả năm 2018 và 2019). Chính sách tài khóa đã không phát triển được trong năm 2018 mặc dù tổng đầu tư toàn xã hội không có sự suy giảm (tỷ lệ tổng đầu tư toàn xã hội tính trên GDP đạt 33,5% GDP 2018) do sự gia tăng đầu tư của khu vực tư nhân. Xu hướng suy giảm của đầu tư từ khu vực nhà nước là rõ rệt trong giai đoạn 2016-2018. Trong năm 2018, đầu tư từ khu vực nhà nước tăng 3,9% so với năm 2017, chiếm 33,3% tổng đầu tư toàn xã hội khi các số liệu tương ứng cho đầu tư từ khối tư nhân và FDI là 18,5%/43,3% và 9,6%/23,4%. Trong đầu tư từ khu vực nhà nước, đầu tư tư ngân sách đạt 92,3% kế hoạch năm (2017 đạt 93,3%) tương ứng 324,9 nghìn tỷ đồng. Trong điều kiện kinh tế thế giới nói chung đang đi vào giai đoạn tăng trưởng chậm lại, đầu tư công với các dự án lớn có thể là tác nhân tạo nên khả năng duy trì tốc độ tăng trưởng cao của nền kinh tế. Việc gia tăng đầu tư công cũng là nguồn lực quan trọng để giải quyết vấn đề phát triển cơ sở hạ tầng để đảm bảo nền kinh tế có thể duy trì được tốc độ tăng trưởng cần thiết.

DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM 2019

Ổn định kinh tế vĩ mô sẽ tiếp tục được duy trì trong năm 2019. Chính sách tài khóa tiếp tục là công cụ chính để Chính phủ duy trì sự ổn định bên cạnh việc đẩy mạnh vai trò của chính sách tài khóa. Việc tăng cường đầu tư công sẽ được thực hiện trong năm 2019 khi đã không thực hiện thành công trong năm 2018. Quyết tâm giải phóng mặt bằng cho dự án sân bay Long Thành và triển khai ít nhất một hợp phần trong dự án đường cao tốc Bắc Nam trong năm 2019 đã thể hiện điều này. Dự báo tăng trưởng GDP cả năm 2019 đạt 6,6%-6,8%, lạm phát ổn định dưới 4% do các áp lực phát sinh lạm phát do chi phí đẩy đã giảm đáng kể, cung tiền và tăng trưởng tín dụng sẽ có tốc độ giảm dần khi nền kinh tế Việt Nam đang cần thực hiện giảm vay nợ để giảm rủi ro phát sinh từ hệ thống ngân hàng và duy trì tỷ lệ nợ công phù hợp. Dự báo tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu vẫn duy trì ở tốc độ cao (có thể suy giảm nhẹ so với 2018) khi Việt Nam là nước duy trì được việc bán hàng hóa trong điều kiện thương mại thế giới có thể suy giảm do tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc. Việc duy trì được dòng tiền FDI (như kết quả của việc lựa chọn Việt Nam là điểm sản xuất thay Trung Quốc) và FII (từ việc bán vốn nhà nước tại các doanh nghiệp) sẽ hỗ trợ đắc lực cho SBV thực hiện các điều tiết nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Tốc độ gia tăng dòng vốn FDI có thể là bất ngờ tích cực trong năm 2019. Các rủi ro đối với nền kinh tế Việt Nam trước mắt chủ yếu đến từ bên ngoài do tác động của việc FED tăng lãi suất, có thể dẫn tới Việt Nam phải tăng lãi suất và phá giá đồng Việt Nam so với USD ở mức độ mạnh hơn so với năm 2018.

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG VÀ CUNG TIỀN TRONG TƯƠNG QUAN VỚI TĂNG TRƯỞNG GDP (%) GIAI ĐOẠN 2010 - 2018



Nguồn: SBV/VFM

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG VÀ CUNG TIỀN TRONG TƯƠNG QUAN VỚI TĂNG TRƯỞNG GDP (%) GIAI ĐOẠN 2010 - 2018

Khoản mục	Tốc độ tăng trưởng so với năm trước (%)		
	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Vốn đầu tư toàn xã hội	108,9	112,3	111,2
Vốn đầu tư từ khu vực Nhà nước	107,3	106,9	103,9
Vốn đầu tư từ khu vực tư nhân	109,5	117,1	118,5
Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	110,4	112,8	109,6

Nguồn: SBV/VFM

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ LẠM PHÁT NĂM 2019 CÁC KHU VỰC VÀ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI (%)

Chỉ tiêu kinh tế vĩ mô	2017	2018	2019 (F)	Đơn vị
Tăng trưởng GDP	6.8	7.08	6.6-6.8	% so với năm trước
Xuất khẩu (% GDP)	96.7	103.3	106	% của GDP
Tăng trưởng xuất khẩu	21.1	13.8	12	% so với năm trước
Tăng trưởng nhập khẩu	20.8	11.5	7-8	% so với năm trước
Cán cân thương mại	2.7	7.2	<-3%	Tỷ Đô la
Dự trữ ngoại hối	52.0	59.0	61	Tỷ Đô la
Lạm phát (cả năm)	2.6	3.5	<4%	% so với năm trước
Tăng/giảm giá VND so với USD	0.2	-2.2	2-3	%
Tăng trưởng cung tiền M2	16.0	11.3	12	% so với năm trước
Lãi suất cho vay bình quân	8.5	9	9.5	%
Tăng trưởng tín dụng	18.2	13.3	14	% so với năm trước
Nợ công	61.3	61.2	61.3	% của GDP
Nợ nước ngoài	49.5	49.9	49	% của GDP

Nguồn: VFM